TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2018/DS-PT
Ngày 30-11-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Trương Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khúc Tân Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Trương Thái Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 222/2018/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1959.

Cư trú tại: Số 65, đường HLK, khu phố 7, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; có mặt.

2. Ông Võ Thanh T, sinh năm 1966, vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Số 3, Tổ 18, ấp TH, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Phan Thị H trình bày:

Qua giới thiệu, bà có cho vợ chồng bà T, ông T vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 04-8-2017, bà T, ông T vay 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời gian vay là 10 ngày, có viết giấy nhận nợ. Cùng ngày, bà T vay thêm 8.000.000 đồng, chị D là con bà T ghi nội dung "mượn thêm 8.000.000 đ" vào giấy nhận nợ ngày 04-8-2017.

Ngày 09-8-2017, ông T vay thêm 5.000.000 đồng, bà H mang tiền lên nhà ông T; ông T viết nội dung "Thêm 5.000.000đ" vào giấy nhận nợ ngày 04-8-2017.

Ngày 31-8-2017, ông T, bà T vay 45.000.000 đồng để trả tiền mua đất, thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất 03%/tháng, có viết giấy nhận nợ, cả hai cùng ký tên.

Ngày 21-8-2017 bà T có dẫn bà M gặp bà vay 15.000.000 đồng cho bà M, sau đó, bà không nhớ ngày tháng, bà M có sang nhà bà nói với bà là số tiền này bà M đã trả cho bà T nên bà gạch vào giấy nợ. Bà gặp bà T hỏi thì bà T nói đã đưa số tiền này cho cho bà Lệ vay lại. Sau đó, bà T đến nhà bà ký tên vào giấy nợ của số tiền 15.000.000 đồng và bà T còn vay thêm bà số tiền là 20.000.000 đồng. Tổng cộng bà T vay bà số tiền 35.000.000 đồng, bà T có ký tên, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng.

Từ khi vay tiền đến nay, vợ chồng bà T, ông T chưa trả cho bà số tiền gốc và lãi nào. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà T, ông T trả cho bà tổng cộng tiền gốc là 103.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày vay cho đến khi xét xử xong vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu về phần tiền lãi, chỉ yêu cầu trả tiền lãi 11 tháng, phần còn lại bà đồng ý cho bà T, ông T không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà T, ông T không còn nợ bà số tiền nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 31-8-2017, vợ chồng bà có vay của bà H số tiền 45.000.000 đồng, có làm giấy nợ và ký tên, lãi suất thỏa thuận là 1.000.000 đồng tiền lãi là 5.000 đồng/ngày. Thực tế bà chỉ nhận số tiền là 40.000.000 đồng, nhưng trong giấy nợ bà phải ghi là 45.000.000 đồng vì 5.000.000 đồng đó là tiền lãi trả trước của 10 ngày.

Nay bà đồng ý trả cho bà H số tiền 45.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Đối với 02 giấy nợ còn lại ngày 09/8/2017 và ngày 04/8/2017 vay 23.000.000 đồng. Ngày 21/8/2017 vay 15.000.000 đồng, cũng trong ngày 21/8/2017 vay thêm 20.000.0000 đồng, những giấy nợ này sau khi bà vay chưa trả

thì bà H yêu cầu bà phải viết giấy nợ ngày 31/8/2017 là vay số tiền là 45.000.000 đồng, nhưng do bà quên kêu bà H xé 02 giấy nợ cũ, nên nay bà H mang hai giấy nợ này đi kiện, thực tế vợ chồng bà chỉ vay bà H 45.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu vợ chồng bà phải trả 103.000.000 đồng bà không đồng ý, vì vợ chồng bà chỉ vay của bà H 45.000.000 đồng.

Bị đơn ông Võ Thanh T trình bày:

Ông là chồng của bà T, việc vợ ông là bà T vay vay tiền của bà H như thế nào ông không rõ, nhưng ông có ký tên vào các giấy vay tiền của bà H, sau này về nhà ông có nghe bà T nói lại với ông là vợ chồng ông có nợ của bà H số tiền gốc là 40.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi.

Nay ông đồng ý cùng với bà T trả cho bà H số tiền tổng cộng là 45.000.000 đồng, không đồng ý trả 103.000.000 đồng như bà H yêu cầu.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 335, 342; 463, 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị H đối với Bà Nguyễn Thị T và Ông Võ Thanh T.

Buộc Bà Nguyễn Thị T và Ông Võ Thanh T có trách nhiệm trả cho Bà Phan Thị H số tiền gốc là 55.000.000 đồng, tiền lãi là 3.039.650 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 58.039.650 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà H buộc bà T và ông T phải trả cho bà H 48.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, nguyên đơn bà Phan Thị H kháng cáo; ngày 10 tháng 9 năm 2018, bà H kháng cáo bổ sung với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của Bà Phan Thị H, sửa bản án sơ thẩm, buộc vợ chồng bà T, ông T trả cho bà H thêm số tiền 13.000.000 đồng trong giấy nợ ngày 09-8-2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, ông Võ Thanh T là đồng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

Xét kháng cáo của Bà Phan Thị H:

[2] Đối với số tiền vay 5.000.000 đồng ghi trong giấy nợ ngày 04-8-2017, tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà T, ông T thừa nhận số tiền 5.000.000 đồng là do vợ chồng bà vay dùm người khác, ông T chỉ ký tên nhưng không nhận tiền, người vay tiền đã trả cho bà H xong nhưng bà H không thừa nhận, ông T, bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

[3] Ngoài ra, trong các lời khai của mình, bà T thừa nhận có vay của bà H khoản tiền vay 8.000.000 đồng viết trong giấy nợ ngày 04-8-2017 nội dung "mượn thêm tám triệu (8.000.000đ)", tuy nhiên bà T khi thì cho rằng khoản vay này bà đã viết thành giấy nợ mới ngày 31-8-2017, khi thì cho rằng vay dùm người khác nhưng đều không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày này.

[4] Cấp sơ thẩm nhận định cho rằng khoản tiền 5.000.000 đồng bà T không thừa nhận nợ, khoản tiền 8.000.000 đồng là tiền chị D con của bà T vay nhưng bà T không thừa nhận nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là không đúng với các tài liệu chứng cứ trong vụ án. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H, buộc bà T, ông T trả thêm cho bà H số tiền vay 13.000.000 đồng. Bà H không yêu cầu bà T, ông T trả tiền lãi của số tiền này nên cần ghi nhận.

[5] Đối với khoản vay ngày 21-8-2017 thể hiện tại Giấy nhận nợ ngày 21-8-2017, đây là hợp đồng vay giữa bà H và bà M, trong đó, số tiền bà M vay là 15.000.000 đồng, bà T ký tên là người bảo lãnh. Hợp đồng này đã được các bên xác nhận là hoàn tất nên bà H gạch chữ "R" vào giấy nợ. Bà H cho rằng bà M trả tiền cho bà H nhưng đưa cho bà T, bà T lấy cho bà Lệ vay lại, do đó bà H tự viết thêm vào giấy nợ này nội dung "21/8/2017 Muội lấy thêm 15 triệu". Cùng ngày 21-8-2017, bà H cho rằng bà T cũng vay của bà số tiền 20.000.000 đồng, cộng với số tiền bà M trả 15.000.000 đồng thì bà T nợ của bà số tiền 35.000.000 đồng. Lời trình bày của bà H là không có cơ sở vì tuy các khoản ghi nợ đều thể hiện có chữ ký bà T bên dưới nhưng không thể hiện ai là người vay; đối với khoản nợ 15.000.000 đồng của bà M thì bà T chỉ ký tên bảo lãnh. Các khoản nợ này đều được ghi chung trong giấy nợ của bà M. Phần cuối cùng của giấy nợ này, bà H thừa nhận tự ghi nội dung "tổng cộng Muội vay 30.000.000 đồng + 5tr Tuyết". Như vậy, bà H đã xác nhận bà M là người vay, không phải bà T. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H đối với số tiền này.

[6] Cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu của bà H đối với số tiền vay ngày 21-8-2017 với nhận định bà T đã trả xong khoản nợ ngày 21-8-2017 cho bà H, thể hiện tại mặt sau của giấy nợ này (bút lục 27) với nội dung "11/10 Tuyết trả 20 triệu (diệu mang qua)" nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ các nội dung này; tại phiên tòa phúc thẩm, bà H, bà T đều xác nhận số tiền bà T trả cho bà H trong tài liệu này không liên quan đến khoản vay trong giấy nợ ngày 21-8-2017. Do đó, nhận định của cấp sơ thẩm là thiếu cơ sở, không đúng với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, cần rút kinh nghiệm.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ; có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của Bà Phan Thị H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[8] Án phí phúc thẩm dân sự: Yêu cầu kháng cáo của bà H được chấp nhận một phần nên bà H không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị H. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H đối với bà Nguyễn Thị T, Ông Võ Thanh T về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Võ Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền gốc là 78.000.000 đồng và tiền lãi là 3.039.065 đồng. Tổng cộng 81.039.065 đồng (tám mươi mốt triệu không trăm ba mươi chín nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà T, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà H yêu cầu bà T, ông T trả số tiền 35.000.000 đồng.

4. Án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T, Ông Võ Thanh T phải chịu 4.052.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Bà Phan Thị H phải chịu 1.750.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.825.000 đồng tại biên lai số 0018742 ngày 30-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà H

được nhận lại số tiền 1.075.000 đồng (một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H không phải chịu. Hoàn trả cho bà H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0018966 ngày 10-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai